Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8418.10.40

Mã HS	8418.10.40
Mô tả hàng hóa	Tủ lạnh, tủ kết đông (1) và thiết bị làm lạnh hoặc kết đông khác, loại dùng điện hoặc loại khác; bơm nhiệt trừ máy điều hòa không khí thuộc nhóm 84.15 / - Tủ kết đông lạnh (1) liên hợp (dạng thiết bị có buồng làm đá và làm lạnh riêng biệt), có các cửa mở riêng biệt hoặc ngăn kéo ngoài riêng biệt, hoặc dạng kết hợp của chúng: / - - Loại khác, phù hợp dùng trong y tế, phẫu thuật hoặc phòng thí nghiệm
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 19:20:27
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84181040/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13337
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13337
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13337
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục D)	2,7	2,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH, TH)/0	0 (-KH, TH)/0	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
AIFTA	3.5/7.5	3.5 / 7.5 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
AKFTA	0/0(-BN, LA)	0/0(-BN, LA)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VCFTA	0/0	0 / 0 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VIFTA	2.9/0	2.9 / 0 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Cần diễn giải
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)			AC!12625
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12568
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12568
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12568
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12568
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12568
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12568
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12622
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12622
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12622

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12622
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12622
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12622
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12623
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12623
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12623
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12623
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12623
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12623
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)			AK!12624
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12574
AIFTA	30/12/2022	2022		AI!12580
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023		AI!12580
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024		AI!12580
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025		AI!12580
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026		AI!12580
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027		AI!12580
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12613
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12613
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12613
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12613
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12613
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12613
VCFTA	2022	2022		VC!12660
VCFTA	2023	2023		VC!12660
VCFTA	2024	2024		VC!12660

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025		VC!12660
VCFTA	2026	2026		VC!12660
VCFTA	2027	2027		VC!12660
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D12645
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E12645
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F12645
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12645
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12645
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12645
AHKFTA	2022	2022	3	AKH!D12645
AHKFTA	2023	2023	2	AKH!E12645
AHKFTA	2024	2024	2	AKH!F12645
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G12645
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H12645
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12645
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D12660
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E12660
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F12660
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12660
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12660
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12660
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D12659
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E12659
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F12659
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12659
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12659

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12659
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12639
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12639
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12639
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12639
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12639
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12639
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12639
RCEP A	2022	2022	4,5	RCEPT-A!D12647
RCEP A	2023	2023	4	RCEPT-A!E12647
RCEP A	2024	2024	3,5	RCEPT-A!F12647
RCEP A	2025	2025	3	RCEPT-A!G12647
RCEP A	2026	2026	2,5	RCEPT-A!H12647
RCEP A	2027	2027	2	RCEPT-A!I12647
RCEP B	2022	2022	4,5	B!D12647
RCEP B	2023	2023	4	B!E12647
RCEP B	2024	2024	3,5	B!F12647
RCEP B	2025	2025	3	B!G12647
RCEP B	2026	2026	2,5	B!H12647
RCEP B	2027	2027	2	B!I12647
RCEP C	2022	2022	4,5	C!D12647
RCEP C	2023	2023	4	C!E12647
RCEP C	2024	2024	3,5	C!F12647
RCEP C	2025	2025	3	C!G12647
RCEP C	2026	2026	2,5	C!H12647
RCEP C	2027	2027	2	C!I12647

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	4,5	D!D12646
RCEP D	2023	2023	4,1	D!E12646
RCEP D	2024	2024	3,6	D!F12646
RCEP D	2025	2025	3,2	D!G12646
RCEP D	2026	2026	2,7	D!H12646
RCEP D	2027	2027	2,3	D!I12646
RCEP E	2022	2022	4,5	E!D12650
RCEP E	2023	2023	4	E!E12650
RCEP E	2024	2024	3,5	E!F12650
RCEP E	2025	2025	3	E!G12650
RCEP E	2026	2026	2,5	E!H12650
RCEP E	2027	2027	2	E!I12650
RCEP F	2022	2022	4,5	F!D12647
RCEP F	2023	2023	4	F!E12647
RCEP F	2024	2024	3,5	F!F12647
RCEP F	2025	2025	3	F!G12647
RCEP F	2026	2026	2,5	F!H12647
RCEP F	2027	2027	2	F!I12647
VIFTA	2024	2024		VI!11713
VIFTA	2025	2025		VI!11713
VIFTA	2026	2026		VI!11713
VIFTA	2027	2027		VI!11713

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8418.10 có 6 dòng thuế; dòng 8418.10.40 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác, phù hợp dùng trong y tế, phẫu thuật hoặc phòng thí nghiệm.	8418.10.31 Loại gia dụng, có dung tích không quá 230 lít; 8418.10.32 Loại gia dụng khác, có dung tích trên 230 lít; 8418.10.39 Loại khác; 8418.10.91 Quầy hàng, tủ bày hàng và các loại tương tự, có lắp thiết bị làm lạnh, dung tích trên 200 lít; 8418.10.99 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8418.10.40 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8418.10.40	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8418.10.40. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 8418.10.40 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13337), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.